

Số: 60/TB-PHDHLN-TCKT

Đồng Nai, ngày 7 tháng 12 năm 2021

## THÔNG BÁO

### Về việc thu học phí các lớp cao học Khóa 28A (lần 2)

Kính gửi:

- Phòng Khoa học Công nghệ & HTQT;
- Học viên cao học khóa K28A.

Căn cứ Quyết định số 975/QĐ-ĐHLN-ĐTSDH-TCKT, ngày 15/06/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp về việc Quy định mức thu học phí bậc đào tạo sau đại học năm học 2020-2021.

Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai thông báo thu học phí các lớp Cao học khóa K28A, nhập học tháng 6/2020 lần thứ 2, như sau:

#### 1. Mức thu học phí khóa 28A:

- Học phí năm nhất, học kỳ thứ 2: 7.350.000 đồng/học viên (5 tháng)
- Học phí năm 2, học kỳ thứ 3 và 4: 14.700.000 đồng/học viên (10 tháng)

(Có danh sách thu học phí kèm theo)

#### 2. Thời gian và hình thức thu:

- Thời gian thu: từ ngày ra thông báo đến hết ngày 20/12/2021.

- Hình thức thu:

+ **Thu tiền mặt:** Thu tại Phòng 113- Phòng tài chính kế toán, Nhà thư viện (Nhà A1), vào các ngày trong tuần, buổi sáng từ 7h30 đến 11h30; buổi chiều từ 13h30 đến 17h00. Trường hợp học viên có điều chỉnh hoặc cập nhật thiếu học phí, xin liên hệ cô Mai Thủy, Phòng TCKT nhà A1. SĐT: 0918511473 để cập nhật kịp thời.

+ **Thu qua ngân hàng:** Tên tài khoản: Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai, số tài khoản: 0121002463110 tại ngân hàng Ngoại thương Việt Nam, chi nhánh Đồng Nai, phòng giao dịch Trảng Bom. (Học viên chuyển tiền cần ghi rõ họ tên, lớp, chuyển khoản học phí)

**Lưu ý:** Học viên cần hoàn thành học phí đúng thời hạn thông báo, những học viên chưa hoàn thành học phí, đề nghị Phòng Khoa học công nghệ và HTQT chuyển danh sách bảo vệ đề cương sang những đợt tiếp theo cho đến khi hoàn thành học phí.

Thông báo này có hiệu lực từ ngày ký. Giám đốc gửi Phòng Khoa học công nghệ và HTQT, GVCN và các Học viên cao học triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, TCKT



**Mai Hải Châu**

BỘ NÔNG NGHIỆP & PTNT  
PHÂN HIỆU TRƯỜNG ĐH LÂM NGHIỆP  
PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

**BẢNG THU HỌC PHÍ HỌC VIÊN CAO HỌC  
KHÓA 28A**

Nhập học: 27/6/2020

TT	Họ và tên		Tổng học phí	Đã thu	Còn phải thu	Ghi chú
<b>Lớp K28A1-QLKT-PH</b>			<b>617.400.000</b>	<b>196.100.000</b>	<b>421.300.000</b>	
1	Ngô Văn	Hoàn	29.400.000	7.350.000	22.050.000	
2	Nguyễn Thị Hồng	Huệ	29.400.000	29.400.000	0	
3	Nguyễn Thị Thúy	Kiều	29.400.000	29.400.000	0	
4	Trần Văn	Thành	29.400.000	7.350.000	22.050.000	
5	Phạm Thị Cẩm	Loan	29.400.000	7.350.000	22.050.000	
6	Nguyễn Tấn	Lực	29.400.000	7.350.000	22.050.000	
7	Phạm Thị Thu	Hà	29.400.000	7.350.000	22.050.000	
8	Lê Minh	Long	29.400.000	7.350.000	22.050.000	
9	Nguyễn Thị	Mét	29.400.000	7.350.000	22.050.000	
10	Đỗ Huy	Liêm	29.400.000	7.350.000	22.050.000	
11	Trần Thị Diễm	Phượng	29.400.000	5.000.000	24.400.000	
12	Trần Thị	Na	29.400.000	7.350.000	22.050.000	
13	Lê Xuân	Huy	29.400.000	7.350.000	22.050.000	
14	Hà Văn	Duy	29.400.000	7.350.000	22.050.000	
15	Nguyễn Thành	Đô	29.400.000	7.350.000	22.050.000	
16	Phan Thị	Trình	29.400.000	7.350.000	22.050.000	
17	Đoàn Minh	Thảo	29.400.000	7.350.000	22.050.000	
18	Trần Thúc	Quyết	29.400.000	7.350.000	22.050.000	
19	Lư Yên	Linh	29.400.000	7.350.000	22.050.000	
20	Nguyễn Hoàng	Lan	29.400.000	7.350.000	22.050.000	
21	Trần Thị	Vân	29.400.000	7.350.000	22.050.000	
<b>Lớp K28A1-QLDD-PH</b>			<b>58.800.000</b>	<b>14.700.000</b>	<b>44.100.000</b>	
1	Hà Tấn	Lộc	29.400.000	7.350.000	22.050.000	
2	Phạm Thị	Loan	29.400.000	7.350.000	22.050.000	
<b>Lớp K28A1-QLTNR-PH</b>			<b>176.400.000</b>	<b>29.400.000</b>	<b>147.000.000</b>	
1	Nguyễn Anh	Quý	29.400.000	-	29.400.000	
2	Nguyễn Tấn	Lộc	29.400.000	7.350.000	22.050.000	
3	Trần Nguyên	Phúc	29.400.000	7.350.000	22.050.000	
4	Nguyễn Tuấn	Vũ	29.400.000	7.350.000	22.050.000	
5	Nguyễn Đăng	Hào	29.400.000	-	29.400.000	
6	Nguyễn Thị	Thuận	29.400.000	7.350.000	22.050.000	
<b>Lớp K28A2-QLKT-PT</b>			<b>323.400.000</b>	<b>86.500.000</b>	<b>236.900.000</b>	
1	Nguyễn Ngọc	Thao	29.400.000	17.350.000	12.050.000	
2	Nguyễn Hữu	Phương	29.400.000	7.350.000	22.050.000	
3	Huỳnh Minh	Quốc	29.400.000	7.350.000	22.050.000	
4	Đỗ Thị	Chang	29.400.000	7.350.000	22.050.000	
5	Nguyễn Ngọc	Hải	29.400.000	7.350.000	22.050.000	
6	Phan Quốc	Việt	29.400.000	3.000.000	26.400.000	



*[Handwritten signature]*

7	Lê Ngọc	Chính	29.400.000	7.350.000	22.050.000
8	Vũ Thị Hà	Quyên	29.400.000	7.350.000	22.050.000
9	Lê Vũ	Lương	29.400.000	7.350.000	22.050.000
10	La Bích	Giang	29.400.000	7.350.000	22.050.000
11	Nguyễn Trọng	Tùng	29.400.000	7.350.000	22.050.000
<b>Lớp K28A2-QLTNR-BP</b>			<b>558.600.000</b>	<b>323.400.000</b>	<b>235.200.000</b>
1	Trần Thị	Chính	29.400.000	29.400.000	0
2	Huỳnh Phúc	Đa	29.400.000	29.400.000	0
3	Hoàng Minh	Duy	29.400.000	14.700.000	14.700.000
4	Mai Thị Ngọc	Hân	29.400.000	29.400.000	0
5	Hoàng	Hoan	29.400.000	7.350.000	22.050.000
6	Nguyễn Quốc	Hội	29.400.000	14.700.000	14.700.000
7	Trịnh Xuân	Lâm	29.400.000	7.350.000	22.050.000
8	Trần Thị	Liên	29.400.000	7.350.000	22.050.000
9	Nguyễn Trung	Mỹ	29.400.000	7.350.000	22.050.000
10	Hoàng Thị Phương	Nhung	29.400.000	29.400.000	0
11	Lương Ngọc	Phú	29.400.000	29.400.000	0
12	Khương Hữu	Thắng	29.400.000	29.400.000	0
13	Vũ Công	Tuân	29.400.000	29.400.000	0
14	Lương Văn	Bảo	29.400.000	7.350.000	22.050.000
15	Trần Quốc	Hùng	29.400.000	14.700.000	14.700.000
16	Nguyễn Đình	Long	29.400.000	14.700.000	14.700.000
17	Ngô Nguyễn Bá	Phúc	29.400.000	7.350.000	22.050.000
18	Lê Tuấn	Sơn	29.400.000	7.350.000	22.050.000
19	Nguyễn Thu	Lan	29.400.000	7.350.000	22.050.000
<b>Lớp K28A4-QLKT-VT</b>			<b>558.600.000</b>	<b>139.650.000</b>	<b>418.950.000</b>
1	Phan Văn	Cường	29.400.000	7.350.000	22.050.000
2	Nguyễn Kim	Hoàn	29.400.000	7.350.000	22.050.000
3	Nguyễn Hoàng	Lâm	29.400.000	7.350.000	22.050.000
4	Đào Thị Mạnh	Linh	29.400.000	7.350.000	22.050.000
5	Tô Thị Hồng	Thảo	29.400.000	7.350.000	22.050.000
6	Bùi Thị Kim	Thủy	29.400.000	7.350.000	22.050.000
7	Lý Thị Ánh	Tuyết	29.400.000	7.350.000	22.050.000
8	Nguyễn Nhật	Nam	29.400.000	7.350.000	22.050.000
9	Nguyễn Quốc	Nhân	29.400.000	7.350.000	22.050.000
10	Ngô Thị Ngọc	Sáng	29.400.000	7.350.000	22.050.000
11	Lê Hữu	Vinh	29.400.000	7.350.000	22.050.000
12	Vương Thị	Hoài	29.400.000	7.350.000	22.050.000
13	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	29.400.000	7.350.000	22.050.000
14	Nguyễn Thị Thanh	Phương	29.400.000	7.350.000	22.050.000
15	Nguyễn Ngọc	Trâm	29.400.000	7.350.000	22.050.000
16	Tô Thị Ánh	Tuyết	29.400.000	7.350.000	22.050.000
17	Lương Thị Hoàng	Linh	29.400.000	7.350.000	22.050.000
18	Lê Thị Tuyết	Nhung	29.400.000	7.350.000	22.050.000
19	Lê Thị Ánh	Hồng	29.400.000	7.350.000	22.050.000
<b>Lớp K28A3-QLKT-CT</b>			<b>205.800.000</b>	<b>205.800.000</b>	<b>0</b>
1	Phạm Nhật	Đặng	29.400.000	29.400.000	0
2	Mai Trung	Kiên	29.400.000	29.400.000	0
3	Lê Văn	Nhớ	29.400.000	29.400.000	0
4	Trần Thanh	Xuân	29.400.000	29.400.000	0


  
 ĐẠI HỌC



5	Nguyễn Văn	Vui	29.400.000	29.400.000	0
6	Trần Ngọc	Quý	29.400.000	29.400.000	0
7	Nguyễn Thị	Bảy	29.400.000	29.400.000	0
<b>Tổng cộng</b>			<b>2.499.000.000</b>	<b>995.550.000</b>	<b>1.503.450.000</b>

Ngày 6 tháng 12 năm 2021

**Giám đốc**

**Phòng TCKT**

**Lập biểu**



**Mai Hải Châu**

*[Handwritten signature]*

*[Handwritten signature]*

**Mai Thị Thu Thủy**

